PHỤ LỤC 02

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 (ĐỢT 1) THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2035, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ ĐĂK TÔ

(Kèm theo Tờ trình số: 131 /TTr-UBND, ngày 18 / 9 /2026 của Ủy ban nhân dân xã Đăk Tô)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quy mô	Tổng mức đầu tư					Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 (đợt 1)				Ghi chú
						Tổng số các nguồn vốn	Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp Tỉnh	Ngân sách cấp xã	Nguồn vốn khác	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp Tỉnh	Ngân sách cấp xã	
1	*2*	*3*	*4*		*5*	*6 =7+8+9+10*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11=12+13 +14+15*	*12*	*13*	*14*	*15*
I	**HỢP PHẦN THỨ NHẤT: CÁC NỘI DUNG CHUNG THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN**					**54.550**	**23.601**	**502**	**2.585**	**3.416**	**26.688**	**23.601**	**502**	**2.585**	
1	**Nội dung thành phần 01: Quy hoạch**														
2	**Nội dung thành phần 02:**					**46.450**	**21.762**	**502**	**2.585**	**3.190**	**24.849**	**21.762**	**502**	**2.585**	
2.1	***Nội dung 01:***					***27.950***	***12.874***	***502***	***2.585***	***1.895***	***15.961***	***12.874***	***502***	***2.585***	
1	Hệ thống thoát nước và đường giao thông nội thôn Đăk Ri	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Đăk Ri	2026-2028	Đường GTNT loại B; Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	1.000	515	80	348	57	943	515	80	348	
2	Đường giao thông nội thôn Tân Cảnh (Khu vực phía sau UBND xã Tân Cảnh cũ)	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Tân Cảnh	2026-2028	Đường GTNT loại B; Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	1.300	625	125	472	78	1.222	625	125	472	
3	Đường đi khu sản xuất đoạn qua suối Đăk Ma thôn Kon Tu Dốp, xã Đăk Tô	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Kon Tu Dốp	2026-2028	Cống thoát nước và đường đầu cống	2.300	861	148	1.148	143	2.157	861	148	1.148	
4	Đường giao thông nông thôn thôn Diên Bình 8 xã Đăk Tô (Đường ngang số 4,5,6)	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Diên Bình 8	2026-2028	Đường GTNT loại B; Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	1.600	740	149	617	94	1.506	740	149	617	
5	Đường đi khu sản xuất đầu nguồn suối Đăk Ri Ớt, thôn Kon Tu Dốp, xã Đăk Tô (đoạn từ tỉnh lộ 679 đến đường bê tông)	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Kon Tu Dốp	2027-2029	Đường GTNT loại B; Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	1.300	606			91	606	606	-	-	
6	Đường đi khu sản xuất Đăk Lin, thôn Kon Tu Dốp (đoạn từ rẫy A Hyải đến rẫy A Lík)	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Kon Tu Dốp	2026-2028	Đường GTNT loại B; Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	1.300	606			91	606	606	-	-	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quy mô	Tổng mức đầu tư					Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 (đợt 1)				Ghi chú
						Tổng số các nguồn vốn	Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp Tỉnh	Ngân sách cấp xã	Nguồn vốn khác	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp Tỉnh	Ngân sách cấp xã	
7	Đường đi nghĩa địa thôn Kon Tu Peng, xã Đăk Tô	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Kon Tu Dốp	2026-2028	Đường GTNT loại B; Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	600	280			42	280	280	-	-	
8	Đường giao thông nội thôn thôn Kon Hring, xã Đăk Tô	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Kon Hring	2028-2030	Đường GTNT loại B; Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	700	326			49	326	326	-	-	
9	Đường đi khu sản xuất đoạn qua suối Đăk Rơ Say thôn Kon Tu Dốp, xã Đăk Tô	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Kon Tu Dốp	2027-2029	Cống thoát nước và đường hai đầu cống	1.300	606			91	606	606	-	-	
10	Đường đi khu sản xuất vào sông Pô Kô, thôn Kon Tu Dốp (đoạn sau nhà A Hner)	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Kon Tu Dốp	2027-2029	Đường GTNT loại B; Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	1.200	559			84	559	559	-	-	
11	Đường đi nghĩa địa Kon Tu Dốp 2, thôn Kon Tu Dốp (đoạn từ tỉnh lộ 679 đến đường bê tông)	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Kon Tu Dốp	2026-2030	Đường GTNT loại B; Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	350	163			25	163	163	-	-	
12	Đường đi khu sản xuất đoạn qua suối Đăk Tráy, thôn Kon Tu Peng	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Kon Tu Peng	2030-2031	Đường GTNT loại B; Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	1.300	606			91	606	606	-	-	
13	Đường đi khu sản xuất Đăk Tơ Ngát, thôn Đăk Rao, xã Đăk Tô	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Đăk Rao	2029-2031	Đường GTNT loại B; Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	1.500	699			105	699	699	-	-	
14	Đường đi khu sản xuất qua ngầm đầu nguồn suối Đăk Chô, thôn Đăk Rao, xã Đăk Tô	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Đăk Rao	2028-2030	Đường GTNT loại B; Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	1.400	652			98	652	652	-	-	
15	Ngầm và đường tràn qua suối Đăk Tố thôn Đăk Kang Peng	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Đăk Kang Peng	2028-2030	Đường GTNT loại B; Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	1.300	605			91	605	605	-	-	
16	Đường đi khu sản xuất đến cầu treo thôn Kon Hring, xã Đăk Tô	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Kon Hring	2026-2027	Đường GTNT loại B; Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	1.300	605			91	605	605	-	-	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quy mô	Tổng mức đầu tư					Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 (đợt 1)				Ghi chú
						Tổng số các nguồn vốn	Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp Tỉnh	Ngân sách cấp xã	Nguồn vốn khác	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp Tỉnh	Ngân sách cấp xã	
17	Đường trục dọc số 3,4,5 khu dân cư nội thôn Diên Bình 8, xã Đăk Tô	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Diên Bình 8	2027-2028	Đường GTNT loại B; Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	1.200	559			84	559	559	-	-	
18	Đường đi cầu treo rẫy Sủng thôn Diên Bình 2, xã Đăk Tô	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Diên Bình 2	2027-2029	Đường GTNT loại B; Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	1.300	606			91	606	606	-	-	
19	Đường đi khu sản xuất (từ cổng chào đến nhà bà Y Điêm), thôn Đăk Kang Peng, xã Đăk Tô	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Đăk Kang Peng	2026-2029	Đường GTNT loại B; Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	1.300	606			91	606	606	-	-	
20	Đường nội thôn Diên Bình 4, xã Đăk Tô (đường ngang số 4 đoạn câu cá năm tươi dọc kênh thủy lợi C19)	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Diên Bình 4	2027-2030	Đường GTNT loại B; Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	1.200	559			84	559	559	-	-	
21	Đường nội thôn Diên Bình 4, xã Đăk Tô (đoạn khu vực đấu giá quyền sử dụng đất)	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Diên Bình 4	2027-2039	Đường GTNT loại B; Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	900	419			63	419	419	-	-	
22	Đường nội thôn Tân Cảnh (đoạn cây xăng Nam Phúc)	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Tân Cảnh	2026-2030	Đường GTNT loại B; Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	500	233			35	233	233	-	-	
23	Đường vào khu tập thể giáo viên thôn Tân Cảnh, xã Đăk Tô	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Tân Cảnh	2026-2030	Đường GTNT loại B; Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	400	186			28	186	186	-	-	
24	Đường nội thôn Tri Lễ (đoạn nhà bà Y Phát và nhà ông Võ Văn Hùng đến đường lô 2 nhà thờ)	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Tri Lễ	2026-2030	Đường GTNT loại B; Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	400	186			28	186	186	-	-	
25	Đường đi khu sản xuất thôn Diên Bình 1 (Đoạn từ đập Cầu Ri đi vào)	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Diên Bình 1	2026-2031	Đường GTNT loại B; Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	1.000	466			70	466	466			
2.2	***Nội dung 02:***					***3.600***	***1.677***	***-***	***-***	**252**	***1.677***	***1.677***	***-***	***-***	
1	Hệ thống kênh mương thủy lợi thôn Đăk Ri, xã Đăk Tô	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Đăk Ri	2028-2030	Nâng cấp đập đầu mối và kênh nội đồng	1.200	559			84	559	559	-	-	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quy mô	Tổng mức đầu tư					Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 (đợt 1)				Ghi chú
						Tổng số các nguồn vốn	Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp Tỉnh	Ngân sách cấp xã	Nguồn vốn khác	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp Tỉnh	Ngân sách cấp xã	
2	Đập Đăk Tố, thôn Đăk Kang Peng xã Đăk Tô	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Đăk Kang Pêng	2029-2030	Nâng cấp đập đầu mối và kênh nội đồng	1.200	559			84	559	559	-	-	
3	Đập Đăk Mơ, xã Đăk Tô	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Đăk Rao	2029-2031	Nâng cấp đập đầu mối và kênh nội đồng	1.200	559			84	559	559	-	-	
2.3	***Nội dung 05:***					***8.500***	***4.231***	***-***	***-***	**595**	***4.231***	***4.231***	***-***	***-***	
1	Trường Mầm non Hoạ Mi (Điểm trường thôn Đăk Kang Pêng)	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Đăk Kang Pêng	2026-2028	Phòng học và các hạng mục phụ trợ	3.000	1.686			210	1.686	1.686	-	-	
2	Trường Tiểu học Lê văn Tám (Điểm trường thôn Đăk Kang Pêng)	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Đăk Kang Pêng	2027-2029	Phòng học và các hạng mục phụ trợ	2.650	1.216			186	1.216	1.216	-	-	
3	Trường Mầm non Hoạ Mi (Điểm trường thôn Kon Tu Dốp 1), thôn Kon Tu Dốp xã Đăk Tô.	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Kon Tu Dốp	2027-2029	Phòng học và các hạng mục phụ trợ	1.650	770			116	770	770	-	-	
4	Trường Mầm non Sao Mai, điểm trường thôn Đăk Ri, xã Đăk Tô	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Đăk Ri	2029-2030	Phòng học và các hạng mục phụ trợ	1.200	559			84	559	559	-	-	
2.4	***Nội dung 09:***					***2.900***	***1.350***	***-***	***-***	**203**	***1.350***	***1.350***	***-***	***-***	
1	Nâng cấp đài truyền thanh xã và hệ thống loa ở các thôn	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Xã Đăk Tô	2029-2031	Nâng cấp loa đài truyền thanh	2.900	1.350			203	1.350	1.350	-	-	
2.5	***Nội dung 10:***					***3.500***	***1.630***	***-***	***-***	**245**	***1.630***	***1.630***	***-***	***-***	
1	Cấp nước sinh hoạt thôn Đăk Kang Pêng	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Đăk Kang Pêng	2027-2029	Hệ thống cấp nước sinh hoạt	1.750	815			123	815	815	-	-	
2	Cấp nước sinh hoạt thôn Kon Tu Dốp	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Kon Tu Dốp	2028-2030	Hệ thống cấp nước sinh hoạt	1.750	815			123	815	815	-	-	
II	**HỢP PHẦN THỨ HAI: CÁC NỘI DUNG ĐẶC THÙ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN**					**8.100**	**1.839**	**-**	**-**	**226**	**1.839**	**1.839**	**-**	**-**	
1	**Nội dung thành phần 01:**														

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quy mô	Tổng mức đầu tư					Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 (đợt 1)				Ghi chú
						Tổng số các nguồn vốn	Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp Tỉnh	Ngân sách cấp xã	Nguồn vốn khác	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp Tỉnh	Ngân sách cấp xã	
1.1	***Nội dung 01:***					***6.100***	***839***	**-**	**-**	**126**	***839***	***839***	**-**	**-**	
1	Trường mầm non Hoạ Mi (Điểm trường thôn Đăk Rao)	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Đăk Rao	2026-2028	Phòng học và các hạng mục phụ trợ	1.800	839			126	839	839	-	-	
2	Trường Tiểu học - THCS Nguyễn Du (Điểm trường thôn Đăk Rao)	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Đăk Rao	2027-2029	Phòng học và các hạng mục phụ trợ	1.400	652			98	652	652	-	-	
3	Trường Tiểu họcKim Đồng (Điểm trường thôn Đăk Ri)	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Đăk Ri	2027-2029	Phòng học và các hạng mục phụ trợ	2.900	1.450			203	1.450	1.450	-	-	
1.2	***Nội dung 04:***					***2.000***	***1.000***	**-**	**-**	**100**	***1.000***	***1.000***			
1	Nhà rông thôn Đăk Ri	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Đăk Ri	2029-2030	Cải tạo sửa chữa nhà rông và các hạng mục khác	400	200			20	200	200	-	-	
2	Nhà rông thôn Đăk Kang Pêng	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Đăk Kang Pêng	2029-2030	Cải tạo sửa chữa nhà rông và các hạng mục khác	400	200			20	200	200	-	-	
3	Nhà rông thôn Đăk Rao	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Đăk Rao	2029-2030	Cải tạo sửa chữa nhà rông và các hạng mục khác	400	200			20	200	200	-	-	
4	Nhà rông thôn Kon Tu Peng	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Kon Tu Peng	2029-2030	Cải tạo sửa chữa nhà rông và các hạng mục khác	400	200			20	200	200	-	-	
5	Nhà rông thôn Kon Tu Dốp	Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã	Thôn Kon Tu Dốp	2029-2030	Cải tạo sửa chữa nhà rông và các hạng mục khác	400	200			20	200	200	-	-	